

Bản án số: 23/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 24/8/2020

“V/v Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘ ĐỨC, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Vương.

Các Hội thẩm nhân: 1. Ông Nguyễn Hồng Thanh.
2. Bà Đoàn Thị Kim Nguyệt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Thuyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Thu Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2020, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 99/2020/TLST- HNGĐ, ngày 28 tháng 5 năm 2020, về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2020/QĐXXST- HNGĐ, ngày 22 háng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Mỹ H

2. Bị đơn: Anh Lê Ngọc T

Cùng địa chỉ: K, tổ dân p, thị trấn M, huyện M, tỉnh Quảng N.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 16/5/2020, các lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ H trình bày: Chị và anh Lê Ngọc T tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Mộ Đức ngày 29/11/1996. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc và đến năm 2001 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, đến năm 2008 thì mâu thuẫn nghiêm trọng, anh T thường xuyên chửi bới và đánh đập chị nhiều lần nên mời Công an thị trấn đến lập biên bản để làm việc. Từ đó mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng nghiêm trọng, sống không có hạnh phúc. Chị và anh T đã ly thân từ tháng 3/2020 đến nay phân ai nấy sống, không quan tâm gì đến nhau. Nay chị yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Ngọc T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Lê Thị Lệ D, sinh ngày 10/10/1998 và Lê Thị Mỹ D, sinh ngày 04/4/2000. Hiện nay các con đã thành

niên, có đủ năng lực hành vi dân sự, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 06/6/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Lê Ngọc T trình bày: Anh và chị H tự nguyện đi đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Mộ Đức ngày 29/11/1996, sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống chung với gia đình anh được mấy năm, sau đó thì vợ chồng ra làm ăn ở riêng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc và có 02 con chung, đôi lúc vợ chồng cũng có cãi vã qua lại, có đôi lúc còn đánh đập nhau nhưng theo anh thì cuộc sống vợ chồng vẫn hạnh phúc. Mâu thuẫn bắt đầu phát sinh dẫn đến chị H yêu cầu ly hôn là từ tháng 3/2020, trong thời gian này thì vợ chồng cãi vã nhau, chị H dùng những lời nói không đúng đối với bản thân anh làm anh không chịu được nên anh đã mua đồ dùng để nấu ăn riêng, không ăn chung với vợ con từ ngày 11/3/2020 âm lịch cho đến nay. Nay chị H yêu cầu ly hôn, anh không đồng ý, anh mong muốn vợ chồng quay lại chung sống suốt đời.

Về con chung: Anh, chị có 02 con chung họ, tên, ngày tháng năm sinh đúng như chị H trình bày. Hiện nay các con đã thành niên nên không có yêu cầu gì về con chung.

Về tài sản chung: Anh không đồng ý ly hôn nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.

Nợ chung: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án, nguyên đơn, bị đơn đều thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử tiến hành nghị án.

Về nội dung: Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28, Điều 147, Điều 235, Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn đối với bị đơn.

Về con chung: 02 con chung tên Lê Thị Lệ D, sinh ngày 10/10/1998 và Lê Thị Mỹ D, sinh ngày 04/4/2000 đã thành niên, đủ 18 tuổi nên không xem xét.

Về tài sản chung: Nguyên đơn, bị đơn khai tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Nguyên đơn, bị đơn khai không có nên không xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng

Tòa án thụ lý đơn khởi kiện đúng trình tự thủ tục, đúng thẩm quyền, giải quyết vụ án trong thời hạn luật định; nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mỹ H và anh Lê Ngọc T kết hôn vào ngày 29/11/1996 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Mộ Đức, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, vì vậy hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, giữa nguyên đơn và bị đơn xảy ra mâu thuẫn, nguyên đơn yêu cầu ly hôn, bị đơn không đồng ý.

Nguyên đơn cho rằng trong quá trình chung sống vợ chồng bất đồng quan điểm nhau, thường xuyên cãi vã, xúc phạm đến nhau, bị đơn đã nhiều lần đánh nguyên đơn, có lần bị đơn đánh nguyên đơn thì Công an thị trấn Mộ Đức đã xử phạt hành chính bị đơn, hiện nay vợ chồng ly thân nhau từ tháng 3/2020 đến nay.

Bị đơn không đồng ý ly hôn vì còn thương yêu vợ con, đôi lúc vợ chồng cũng có cãi vã qua lại, có lúc còn đánh đập nhau nhưng theo bị đơn thì cuộc sống vợ chồng vẫn hạnh phúc.

Xét thấy, giữa nguyên đơn và bị đơn có xảy ra mâu thuẫn bất đồng quan điểm nhau, thường xuyên cãi vã, xúc phạm đến nhau. Bị đơn thừa nhận đã nhiều lần đánh nguyên đơn và đã ly thân từ tháng 3/2020 đến nay và bị đơn đã mua đồ dùng để nấu ăn riêng, không ăn chung với vợ con từ ngày 11/3/2020 âm lịch cho đến nay. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn giữa nguyên đơn và bị đơn là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc nguyên đơn yêu cầu ly hôn là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[2.2] Về con chung

Nguyên đơn, bị đơn có 02 con chung tên Lê Thị Lệ D, sinh ngày 10/10/1998 và Lê Thị Mỹ D, sinh ngày 04/4/2000 hiện nay đã thành niên (đủ 18 tuổi). Nguyên đơn và bị đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung

Nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung

Nguyên đơn, bị đơn khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Về án phí

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Các Điều 28, Điều 35, Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Mỹ H được ly hôn với anh Lê Ngọc T.

2. Về con chung: Nguyên đơn, bị đơn có 02 con chung tên Lê Thị Lệ D, sinh ngày 10/10/1998 và Lê Thị Mỹ D, sinh ngày 04/4/2000 hiện nay đã thành niên (đủ 18 tuổi). Nguyên đơn và bị đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung: Nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Nguyên đơn, bị đơn khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Mỹ H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/ 0002630, ngày 28 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi. Chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 24/8/2020).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Mộ Đức;
- Chi cục THADS huyện Mộ Đức;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn Mộ Đức;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Minh Vương